



ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC XUẤT KHẨU GỖ VIỆT NAM

TÔ XUÂN PHÚC, CAO THỊ CẨM, TRẦN LÊ HUY



Norad



Tháng 2 năm 2019

LỜI CẢM ƠN

Bản tin **“Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xuất khẩu gỗ Việt Nam”** là sản phẩm hợp tác của nhóm nghiên cứu do Tổ chức Forest Trends, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định) và Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA) và Hiệp hội chế biến gỗ tỉnh Bình Dương (BIFA).

Bản tin được hoàn thành với sự hỗ trợ về nguồn lực của Tổ chức Hợp tác Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) và Cơ quan Phát triển của Chính phủ Na Uy (NORAD) thông qua Tổ chức Forest Trends. Các con số thống kê được sử dụng trong Bản tin được thu thập từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan, Cục Đầu tư nước ngoài, Trang điện tử của Tổng cục thuế, Sở Công thương, Cổng thông tin các tỉnh/thành phố, website của các doanh nghiệp gỗ trong ngành và được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu. Các nhận định trong Bản tin là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức nơi các tác giả đang làm việc.

Bản tin chỉ phác họa một số nét cơ bản về các doanh nghiệp FDI hoạt động trong ngành gỗ. Bản tin cung cấp thông tin về lượng doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ là bao nhiêu, quy mô của các doanh nghiệp như thế nào, hoạt động trong những lĩnh vực gì, vai trò của các doanh nghiệp này trong xuất khẩu ra sao. Các thông tin trong Bản tin chỉ là những thông tin ban đầu về thực trạng của khối FDI hoạt động trong ngành. Để có những thông tin chi tiết về khối này cần có những nghiên cứu tiếp theo trong thời gian tới.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC



Lời cảm ơn	3
1. Giới thiệu	5
2. Phương pháp nghiên cứu	5
3. Một số kết quả sơ bộ	6
3.1. Lượng doanh nghiệp FDI, quy mô vốn theo quốc gia	6
3.2. Lượng doanh nghiệp FDI, quy mô vốn theo thời gian đầu tư	7
3.3. Các dự án FDI phân theo loại hình dự án	8
3.4. Đặc điểm của các dự án chia theo quốc gia có lượng doanh nghiệp FDI lớn	8
3.5. Doanh nghiệp FDI chia theo địa phương	11
3.6. Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của các doanh nghiệp FDI	13
4. Doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ: Thực trạng và ý nghĩa về chính sách	15
5. Kết luận	17
Tài liệu tham khảo	18

PHỤ LỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Một số đặc điểm của các doanh nghiệp FDI	6
Bảng 2. Số lượng các dự án đầu tư theo giai đoạn	7
Bảng 3. Số lượng các dự án FDI chia theo loại hình hoạt động	8
Bảng 4. Một số quốc gia có lượng dự án FDI lớn và đặc điểm các doanh nghiệp	9
Bảng 5. Quy mô vốn và lao động của các dự án FDI tại các địa phương có số lượng FDI lớn	11
Bảng 6. Các địa phương có kim ngạch xuất khẩu FDI ngành gỗ trên 10 triệu USD năm 2018	13
Bảng 7. Các doanh nghiệp FDI có kim ngạch xuất khẩu năm 2018 lớn theo quốc gia	14

PHỤ LỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Số lượng doanh nghiệp FDI đăng kí hoạt động theo thời gian.	7
Hình 2. Quy mô vốn đầu tư của mỗi doanh nghiệp FDI (USD)	8
Hình 3. Số các dự án FDI hiện đang hoạt động trong ngành gỗ tại một số địa phương	12
Hình 4. Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI tại một số địa phương năm 2018	13
Hình 5. Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo quốc gia năm 2018	14

1. GIỚI THIỆU

Kể từ khi nền kinh tế mở cửa, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp FDI) đã trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Theo con số thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, qua 30 năm từ khi đổi mới, đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm 25% tổng vốn đầu tư xã hội, 20% trong GDP, 72,6% trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu, 50% giá trị sản xuất công nghiệp và 14,5% tổng thu ngân sách nhà nước (Báo đầu tư, 2018). Đến hết 2018 cả nước có 27.353 dự án FDI đang hoạt động, với tổng số vốn giải ngân đạt 191 tỉ USD, với các doanh nghiệp FDI đóng vai trò chủ đạo trong xuất khẩu, với kim ngạch chiếm 72% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước (Báo Công thương, 2019).

Doanh nghiệp FDI đầu tiên đầu tư vào ngành gỗ¹ bắt đầu từ năm 1988, ngay sau khi Luật Đầu tư Nước ngoài lần đầu tiên (1987) có hiệu lực. Đến nay, ngành gỗ đã thu hút được một lượng lớn các doanh nghiệp FDI, với các lĩnh vực hoạt động đa dạng. Tuy nhiên, các thông tin cụ thể về khối doanh nghiệp FDI hoạt động trong ngành gỗ đến nay còn rất hạn chế. Cụ thể, chúng ta chưa biết lượng doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ là bao nhiêu, quy mô của các doanh nghiệp như thế nào, hoạt động trong những lĩnh vực gì, vai trò của các doanh nghiệp này trong xuất khẩu ra sao. Bản tin **“Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xuất khẩu gỗ Việt Nam”** sẽ đưa ra câu trả lời cho các câu hỏi này. Các thông tin trong Bản tin chỉ là những thông tin ban đầu về thực trạng của khối FDI hoạt động trong ngành. Để có những thông tin chi tiết về khối này cần có những nghiên cứu tiếp theo trong thời gian tới.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thông tin trong Bản tin dựa trên nguồn thông tin thứ cấp và sơ cấp. Thông tin thứ cấp bao gồm nguồn dữ liệu thống kê của Cục Đầu tư Nước ngoài. Nguồn thông tin này cho phép tìm hiểu về số lượng các doanh nghiệp đăng ký chia theo các năm, theo địa phương, số vốn trên mỗi dự án, ngành nghề đầu tư của doanh nghiệp. Số doanh nghiệp đã đóng cửa và còn hoạt động cho đến nay, được thu thập dựa trên thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng cục thuế²

Thông tin thứ cấp còn được thu thập từ website của Sở Công thương, Cổng thông tin điện tử của các tỉnh/thành phố các tỉnh nơi các DN CBG đặt trụ sở như: Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bắc Kạn,...và trên website của các doanh nghiệp, các trang website khác³. Nguồn thông này cho phép xác định ngành nghề đăng ký kinh doanh của từng doanh nghiệp, lượng lao động của các doanh nghiệp FDI khi đăng ký hoạt động và lượng lao động hiện nay trong các doanh nghiệp đang hoạt động. Tuy nhiên, số liệu thống kê lao động từ nguồn thông tin này có một số hạn chế. Cụ thể, số liệu về lao động của các doanh nghiệp trên website của các sở/cổng thông tin,...chưa đầy đủ, bởi một số doanh nghiệp không khai báo số lượng lao động. Một số doanh nghiệp công bố tuy nhiên có vẻ số lượng công bố chưa đầy đủ. Một số doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu tương đối lớn, nhưng trên trang web của sở Công thương/cổng thông tin của tỉnh,...số liệu khai báo về lượng lao động của doanh nghiệp rất nhỏ, điều này đặt ra câu hỏi về độ xác thực của nguồn số liệu này. Tóm lại, số lao động các doanh nghiệp thống kê trên website của các sở nhỏ hơn so với số lao động hiện đang làm việc trong tổng số các doanh nghiệp FDI.

Từ nguồn số liệu các doanh nghiệp FDI đăng ký theo địa phương và ngành nghề hoạt động, Bản tin sắp xếp các ngành nghề theo các nhóm chính sau đây:

Nhóm các doanh nghiệp chế biến gỗ. Bao gồm các doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ, đồ gỗ xây dựng, đồ gỗ kết hợp với các vật liệu khác, đồ chơi bằng gỗ

Dăm gỗ. Các doanh nghiệp chuyên sản xuất dăm

Dịch vụ ngành gỗ. Các doanh nghiệp có các hoạt động tư vấn trong sản xuất, đầu tư, chứng chỉ, doanh nghiệp vận tải, in ấn tem mác, kiểm định, logistic và các dịch vụ tư vấn khác

Gỗ pallet. Các doanh nghiệp sản xuất giá đỡ bằng gỗ

Phụ trợ ngành gỗ. Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực keo, sơn, nhựa, đinh ốc vít, vải, máy chế biến, ngũ kim, bao bì, thiết bị điện, đồ trang trí.

¹ Trong Bản tin này, doanh nghiệp FDI bao gồm cả doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh.

² <http://tracuunnt.gdt.gov.vn>

³ Các trang web thu thập thông tin của doanh nghiệp: <https://thongtindoanhnghiep.co>; <https://binh-duong.congtydoanhnghiep.com/>; <http://dlct.dongnai.gov.vn/>; <https://backan.gov.vn,...>

Thương mại gỗ. Các doanh nghiệp buôn bán xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, bao gồm các mặt hàng như gỗ tròn, gỗ xẻ, các loại ván, đồ gỗ

Ván nhân tạo. Các doanh nghiệp sản xuất các loại ván khác nhau, như ván dăm, ván lạng, ván ghép, ván plywood.

Viên nén. Các doanh nghiệp sản xuất viên nén
Khác. Một số doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng như bột gỗ, than gỗ.

Một số doanh nghiệp có hoạt động trong một số lĩnh vực khác nhau. Trong khuôn khổ của Bản tin này, doanh nghiệp được sắp xếp theo nhóm hoạt động dựa trên ngành nghề đăng ký đầu tiên của mỗi doanh nghiệp.

Nguồn số liệu sơ cấp được tổng hợp từ số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan. Số liệu từ nguồn này cho phép xác định danh sách các doanh nghiệp FDI trực tiếp tham gia xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp và kim ngạch chia theo các địa phương.

Bản tin này chỉ phác họa một số nét cơ bản về các doanh nghiệp FDI hoạt động trong ngành gỗ. Do hạn chế về số liệu, Bản tin chưa đi sâu vào các khía cạnh chi tiết của các doanh nghiệp như vốn, trình độ quản lý, thực trạng công nghệ, lao động... Các số liệu sơ

cấp này đòi hỏi cần có những khảo sát chi tiết với từng doanh nghiệp. Mặc dù vậy, những nét cơ bản được trình bày trong Bản tin này kỳ vọng phần nào sẽ làm sáng tỏ thực trạng sản xuất kinh doanh và vai trò của nhóm doanh nghiệp FDI hiện nay.

3. MỘT SỐ KẾT QUẢ SƠ BỘ

3.1. Lượng doanh nghiệp FDI, quy mô vốn theo quốc gia

Năm 1987 là năm ra đời của Luật Đầu tư Nước ngoài của Việt Nam. Dự án FDI đầu tiên trong ngành gỗ xuất hiện năm 1989. Số doanh nghiệp FDI tăng trưởng mạnh nhất kể từ những năm 2000 trở lại đây.

Tính đến hết 2018, tổng số dự án FDI đăng kí trong ngành gỗ là 984. Tuy nhiên, đã có 117 doanh nghiệp đóng cửa. Số doanh nghiệp còn lại đang hoạt động là 867.

Tổng số vốn đầu tư đăng kí của các doanh nghiệp đến hết năm 2018 là khoảng 5,5 tỉ USD.

Tổng số lao động đăng kí của các doanh nghiệp là 201.794 người.

Bảng 1 đưa ra một số thông tin cơ bản về các dự án đăng kí, bao gồm số lượng, vốn đăng kí, và quy mô vốn trung bình của các dự án được chia theo quốc gia đầu tư.

Bảng 1. Một số đặc điểm của các doanh nghiệp FDI

Quốc gia	Số lượng dự án	Tổng số vốn đăng kí (USD)	Quy mô trung bình 1 dự án (triệu USD)
Đài Loan	246	1.060.811.282	4,3
Trung Quốc	181	437.516.883	2,4
Hàn Quốc	114	391.497.210	3,4
Nhật Bản	83	609.046.261	7,3
British Virgin Islands	48	888.018.000	18,5
Hồng Kông	47	801.359.570	17,1
Singapore	37	162.812.545	4,4
Malaysia	33	217.235.020	6,6
Hoa Kỳ	25	44.349.910	1,8
Samoa	17	182.270.000	10,7
Australia	16	10.494.381	0,66
Pháp	13	22.723.438	1,7
Vương quốc Anh	13	29.330.000	2,3
Brunei Darussalam	12	146.650.000	12,2
Khác	99	500.849.370	5,1
Tổng	984	5.504.963.870	-

Nguồn: VIFORES, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Cục đầu tư Nước ngoài.

Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản là các quốc gia có số lượng các dự án đầu tư vào ngành gỗ lớn nhất. Số lượng các doanh nghiệp FDI từ các quốc gia này theo con số đăng ký lần lượt chiếm 25%, 18%, 12% và 8% trong tổng số các doanh nghiệp FDI đăng ký. Số doanh nghiệp FDI của 4 quốc gia này chiếm 63% trong tổng số các doanh nghiệp FDI của toàn ngành gỗ.

Về tỉ trọng vốn đầu tư đăng ký, các doanh nghiệp FDI từ 4 quốc gia này có tỉ trọng vốn đăng ký lần lượt là 19%, 8%, 7% và 11%.

Các doanh nghiệp FDI của Nhật Bản có lượng đứng thứ 4, tuy nhiên tỉ trọng nguồn vốn đăng ký đứng thứ 2.

Nhìn chung, các dự án FDI của ngành gỗ có quy mô vốn tương đối nhỏ, trung bình khoảng 4-5 triệu USD/mỗi dự án.

Các doanh nghiệp FDI từ các quốc gia British Virgin Islands, Hồng Kông, Brunei và Samoa là các doanh nghiệp có quy mô vốn lớn nhất. Điểm đặc biệt ở đây là các quốc gia/vùng này không phải là các quốc gia có thể mạnh về ngành công nghiệp chế biến gỗ.

3.2. Lượng doanh nghiệp FDI, quy mô vốn theo thời gian đầu tư

Bảng 2 đưa ra một số con số cơ bản về số lượng các doanh nghiệp FDI, tỉ trọng vốn và quy mô của mỗi dự án được chia theo các giai đoạn khác nhau.

Bảng 2. Số lượng các dự án đầu tư theo giai đoạn

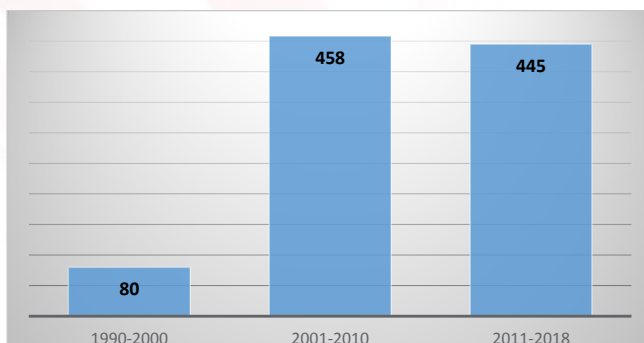
Giai đoạn	Số lượng DN FDI	Vốn đầu tư (USD)
1900-2000	80	460.285.843
2001-2010	458	3.217.428.188
2011-2018	445	1.826.807.235

Nguồn: VIFORES, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Cục đầu tư Nước ngoài.

Xét về số lượng doanh nghiệp đăng ký, trong giai đoạn 1990-2000 (12 năm) chỉ có 80 dự án đăng ký đầu tư vào ngành gỗ, chiếm 8% trong tổng số lượng doanh nghiệp FDI đăng ký tính đến hết năm 2018. Lượng doanh nghiệp FDI đăng ký trong 11 năm tiếp

theo (2001-2010) chiếm 47%. Kể từ 2011 đến 2018 (8 năm), lượng các doanh nghiệp đăng ký chiếm 45%. Biểu 1 chỉ ra sự thay đổi số lượng doanh nghiệp FDI đăng ký hoạt động trong những thập kỉ vừa qua.

Hình 1. Số lượng doanh nghiệp FDI đăng ký hoạt động theo thời gian



Nguồn: VIFORES, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Cục đầu tư Nước ngoài.

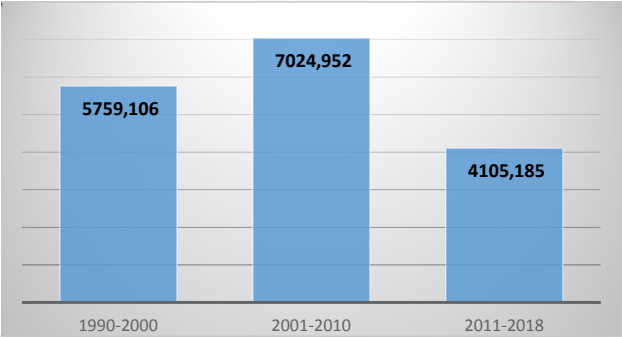
Xu hướng về lượng các doanh nghiệp đăng ký hoạt động cho thấy khối FDI vẫn có xu hướng mở rộng kể từ sau khi mở cửa.

Tỉ lệ các doanh nghiệp FDI đăng ký hoạt động trong giai đoạn 1990-2000 hiện nay đang còn hoạt động là 84%; các doanh nghiệp đăng ký trong giai đoạn 2001-2010 là 82%, các doanh nghiệp đăng ký giai đoạn 2011-2018 là 95%.

Xét về tỉ trọng vốn đầu tư, tổng số vốn đăng ký của các doanh nghiệp FDI trong giai đoạn 1990-2000 chiếm 8% trong tổng số vốn đăng ký của tất cả các doanh nghiệp FDI tính đến hết năm 2018; trong giai đoạn 2001-2010, tỉ trọng vốn chiếm 58%; giai đoạn 2011-2018 chiếm 33%.

Theo quy mô của của mỗi dự án, các doanh nghiệp đăng ký trong giai đoạn 2001-2010 có quy mô lớn nhất, khoảng 7 triệu USD cho mỗi dự án; các doanh nghiệp đăng ký trong giai đoạn 1990-2000 có quy mô gần 5,8 triệu USD/dự án. Giai đoạn 2011-2018 mặc dù số lượng các doanh nghiệp đăng ký hoạt động cao, quy mô của mỗi dự án nhỏ, chỉ khoảng 4,1 triệu USD/dự án (Hình 2).

Hình 2. Quy mô vốn đầu tư của mỗi doanh nghiệp FDI (USD)



Nguồn: VIFORES, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Cục đầu tư Nước ngoài.

3.3. Các dự án FDI phân theo loại hình dự án

Tổng số có 984 dự án FDI đăng kí hoạt động, trong đó có 867 dự án đang hoạt động và 117 dự án đóng cửa (Bảng 3). Các dự án hoạt động theo các mảng hoạt động đa dạng khác nhau, trong đó phổ biến nhất là mảng chế biến gỗ xuất khẩu, phụ trợ ngành gỗ, sản xuất ván nhân tạo.

Bảng 3. Số lượng các dự án FDI chia theo loại hình hoạt động

Loại hình đầu tư	Tổng dự án đầu tư	Dự án đang hoạt động	Dự án dừng hoạt động
Chế biến gỗ xuất khẩu	623	538	85
Dăm gỗ	25	22	3
Dịch vụ ngành gỗ	16	12	4
Pallet gỗ	6	6	-
Phụ trợ ngành gỗ	174	163	11
Thương mại gỗ	38	37	1
Ván nhân tạo	94	84	10
Viên nén	6	5	1
Khác	2	-	2
Tổng	984	867	117

Nguồn: VIFORES, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê từ các trang website của Sở Công thương các tỉnh.

Cụ thể, tỉ trọng các doanh nghiệp hoạt động trong các mảng như sau:

- Chế biến gỗ xuất khẩu: 62%
- Phụ trợ ngành gỗ: 19%
- Ván nhân tạo: 10%
- Ngoài ra là một số loại ngành nghề khác

3.4. Đặc điểm của các dự án chia theo quốc gia có lượng doanh nghiệp FDI lớn

Bảng 4 chỉ ra đặc điểm các dự án FDI của một số quốc gia có số lượng FDI đầu tư vào Việt Nam tính đến nay lớn. Một số thông tin cơ bản như sau.

Doanh nghiệp Đài Loan. Là quốc gia có lượng doanh nghiệp FDI lớn nhất. Hiện có 216 doanh nghiệp còn hoạt động. Số lượng doanh nghiệp đăng kí hoạt động nhiều nhất trong giai đoạn 2000-2010, với khoảng trên 10 doanh nghiệp/năm. Lượng doanh nghiệp đăng kí sau đó giảm, tuy nhiên bắt đầu tăng trở lại từ khoảng 2016.

Khoảng 2/3 số doanh nghiệp của Đài Loan hoạt động trong mảng chế biến gỗ xuất khẩu. Đây là nhóm có số lượng đăng kí lớn nhất. Nhóm kế tiếp là các doanh nghiệp hoạt động trong mảng phụ trợ ngành gỗ (17%) và ván nhân tạo (9%).

Doanh nghiệp Hàn Quốc. Là một trong những quốc gia đầu tư vào ngành gỗ của Việt Nam sớm nhất. Hiện còn 96 doanh nghiệp đang hoạt động. Trên 50% số doanh nghiệp đăng kí (tổng số có 114 doanh nghiệp) hoạt động trong mảng chế biến đồ gỗ xuất khẩu, 22% hoạt động trong nhóm cung cấp phụ trợ ngành gỗ, còn lại là các doanh nghiệp trong mảng dịch vụ, thương mại gỗ...

Xu hướng các doanh nghiệp đăng kí hoạt động giống như các doanh nghiệp Đài Loan: Lượng doanh nghiệp đăng kí lớn nhất trong giai đoạn 2001-2010, sau đó giảm và lại bắt đầu tăng trong những năm gần đây.

Doanh nghiệp Hoa Kỳ. Số lượng dự án đầu tư vào ngành gỗ Việt Nam nhỏ hơn nhiều so với số lượng các dự án của Đài Loan và Hàn Quốc (18 dự án đang hoạt động trên tổng số 25 dự án đăng kí). Trong các doanh nghiệp FDI của Hoa Kỳ đăng kí hoạt động, trên 60% là các doanh nghiệp hoạt động trong mảng chế biến gỗ; trên 30% hoạt động trong mảng phụ trợ ngành gỗ.

Doanh nghiệp Hồng Kông. Có số lượng tương đối lớn, với 43 doanh nghiệp hiện đang hoạt động. Trên 50% doanh nghiệp hoạt động trong mảng chế biến đồ gỗ xuất khẩu trong tổng số doanh nghiệp đăng kí hoạt động. Nhóm kế tiếp là các doanh nghiệp hoạt động trong mảng phụ trợ ngành gỗ và ván nhân tạo.

Bảng 4. Một số quốc gia có lượng dự án FDI lớn và đặc điểm các doanh nghiệp

Quốc gia	Tổng số dự án	Dự án hoạt động	Một số đặc điểm chính	Lĩnh vực hoạt động
Đài loan	246	216	Là quốc gia có lượng doanh nghiệp chế biến gỗ nhiều nhất ở Việt Nam. Số lượng doanh nghiệp đăng ký và còn hoạt động nhiều nhất là trong giai đoạn 2000-2010, với số dự án còn hoạt động chiếm 69%. Trong giai đoạn này, mỗi năm trung bình có trên dưới 15 doanh nghiệp đăng ký và hoạt động. Tuy nhiên, tốc độ đăng ký sau đó giảm, mỗi năm trung bình 5-6 dự án. Năm 2016 lại bắt đầu tăng. Năm 2017 tăng lên 13 dự án, sau đó (2018) giảm còn 7.	70% số doanh nghiệp hiện nay hoạt động trong lĩnh vực chế biến gỗ xuất khẩu; 17% trong nhóm phụ trợ ngành gỗ, 9% trong nhóm ván nhân tạo; còn lại là nhóm dăm gỗ, thương mại gỗ, dịch vụ ngành gỗ
Hàn Quốc	114	96	Là một trong những quốc gia đầu tư sớm vào Việt Nam. Dự án đăng ký đầu tiên năm 1992. Số lượng các doanh nghiệp đăng ký mạnh nhất từ trước thời kỳ khủng hoảng kinh tế Châu Á (2007-2008). Lượng doanh nghiệp đăng ký và còn hoạt động có xu hướng tăng kể từ 5 năm trở lại đây.	55% số doanh nghiệp hiện đang hoạt động nằm trong nhóm chế biến gỗ xuất khẩu, 22% nằm trong nhóm các doanh nghiệp cung cấp phụ trợ ngành gỗ; còn lại là các doanh nghiệp hoạt động trong các mảng dịch vụ, thương mại gỗ, ván nhân tạo, viên nén...
Hoa Kỳ	25	18	Dự án đăng ký đầu tiên năm 1999, sau đó đóng cửa, đến 2002 có dự án tiếp theo. Các doanh nghiệp bình quân mỗi năm một vài doanh nghiệp đăng ký hoạt động. Năm 2017 có 4 doanh nghiệp, sau đó 2018 chỉ có 2 doanh nghiệp đăng ký.	61% số doanh nghiệp hoạt động trong mảng chế biến gỗ xuất khẩu, 33% trong mảng phụ trợ ngành gỗ, còn lại là ván nhân tạo.
Hồng Kông	47	43	Bắt đầu đầu tư vào ngành gỗ Việt Nam từ năm 1992. Lượng doanh nghiệp đăng ký hoạt động tăng tương đối đều, mỗi năm 1-2 doanh nghiệp. Trong vài năm trở lại đây, lượng doanh nghiệp đầu tư tăng. Quy mô của mỗi dự án FDI của Hồng Kông rất lớn, khoảng trên 17 triệu USD/mỗi dự án, cao thứ 2 về quy mô vốn bình quân của mỗi dự án trong tất cả các nước đầu tư vào ngành gỗ Việt Nam.	51% doanh nghiệp hoạt động trong mảng chế biến gỗ xuất khẩu, 14% trong mảng phụ trợ ngành gỗ, 12% thương mại gỗ, 12% ván nhân tạo. Còn lại hoạt động trong mảng dịch vụ ngành gỗ, sản xuất pallet gỗ.
Malaysia	33	28	Lượng doanh nghiệp đăng ký hoạt động trung bình mỗi năm khoảng 1-2 doanh nghiệp. không có biến động nhiều kể từ khi bắt đầu đăng ký đầu tư.	64% số doanh nghiệp hoạt động trong mảng chế biến gỗ xuất khẩu, 14% phụ trợ ngành gỗ, 11% ván nhân tạo, 7% pallet gỗ, còn lại là các mảng khác.
Nhật	83	79	Doanh nghiệp đầu tư đăng ký hoạt động từ năm 1994. Đến hết năm 2018 có 79 doanh nghiệp còn hoạt động, từ tổng số 83 dự án. Lượng dự án dừng hoạt động rất ít. Lượng doanh nghiệp đăng ký nhiều nhất chủ yếu giai đoạn sau 2010. Không có sự biến động về lượng doanh nghiệp đăng ký mới trong những năm gần đây.	57% trong nhóm chế biến gỗ xuất khẩu, 20% trong nhóm phụ trợ ngành gỗ, 8% dăm gỗ, còn lại là thương mại gỗ, ván nhân tạo, pallet gỗ...
Singapore	37	33	Doanh nghiệp đầu tiên đăng ký hoạt động vào năm 2000. Lượng doanh nghiệp đăng ký tương đối ổn định kể từ đó.	Lĩnh vực hoạt động chính: 45% hoạt động trong mảng chế biến gỗ xuất khẩu, 30% phụ trợ ngành gỗ, 15% thương mại gỗ, còn lại là doanh nghiệp hoạt động trong mảng khác.

Quốc gia	Tổng số dự án	Dự án hoạt động	Một số đặc điểm chính	Lĩnh vực hoạt động
Trung Quốc	181	161	Doanh nghiệp FDI của Trung Quốc bắt đầu đăng kí hoạt động kể từ năm 1999. Sau đó tăng dần. Lượng doanh nghiệp đặc biệt tăng 5 năm trở lại đây (2013). Lượng doanh nghiệp đăng kí từ 2013 chiếm 82% trong tổng lượng doanh nghiệp Trung Quốc đăng kí và còn hoạt động. Doanh nghiệp đầu tiên của Trung Quốc đăng kí năm 1999, sau đó đóng cửa. Doanh nghiệp tiếp theo đăng kí 2002. Trong 10 năm tiếp theo, tổng số doanh nghiệp đăng kí và còn hoạt động chỉ là 29 doanh nghiệp. Con số này gần tương đương với lượng doanh nghiệp đăng kí và còn hoạt động trong mỗi năm kể từ 2013 đến nay	55% doanh nghiệp hoạt động trong mảng chế biến gỗ, 22% sản xuất ván nhân tạo, 19% phụ trợ ngành gỗ, còn lại là doanh nghiệp trong mảng thương mại gỗ và dịch vụ ngành gỗ.
British Virgin Islands	48	45	Dự án đầu tiên năm 1996, lượng đăng kí năm 2000-2005 tăng, mỗi năm bình quân 4-5 dự án. Sau đó giảm, mỗi năm 1-2 dự án đăng kí và hoạt động,	84% doanh nghiệp hoạt động trong mảng chế biến gỗ xuất khẩu, 11% phụ trợ ngành gỗ, còn lại là dịch vụ ngành gỗ.

Nguồn: Nguồn: VIFORES, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Cục đầu tư Nước ngoài và Tổng cục Thuế (<http://tracuunnt.gdt.gov.vn>)



Doanh nghiệp Malaysia. Số lượng doanh nghiệp hoạt động hiện tại còn 28, giảm từ 33 doanh nghiệp đăng kí. Trên 60% số doanh nghiệp hoạt động trong mảng chế biến đồ gỗ xuất khẩu, 14% trong nhóm phụ trợ ngành gỗ, 11% ván nhân tạo.

Doanh nghiệp Nhật Bản. Lượng doanh nghiệp hiện đang hoạt động lớn, 79 doanh nghiệp, đứng thứ 4 trong số các nước có lượng doanh nghiệp hiện đang hoạt động có số lượng lớn. Khác với một số doanh nghiệp của các nước khác như Hàn Quốc, Đài Loan, Hoa Kỳ, Trung Quốc, số lượng các công ty của Nhật phải đóng cửa nhỏ. Khoảng gần 60% doanh nghiệp đăng kí hoạt động trong mảng chế biến đồ gỗ xuất khẩu, 20% trong mảng phụ trợ ngành gỗ.

Doanh nghiệp Singapore. Các doanh nghiệp Singapore tham gia đầu tư vào ngành gỗ Việt Nam tương đối muộn so với các doanh nghiệp của một số quốc gia khác như Nhật Bản, Hàn Quốc. Hiện có 33 doanh nghiệp đang hoạt động, giảm ít so với con số đăng kí 37 doanh nghiệp. Mảng chế biến đồ gỗ xuất

khẩu vẫn chiếm chủ đạo (45% trong tổng số doanh nghiệp đăng kí). So với các doanh nghiệp FDI của các nước khác, các doanh nghiệp của Singapore hoạt động nhiều trong mảng công nghiệp phụ trợ (30%).

Doanh nghiệp Trung Quốc. Có số lượng doanh nghiệp lớn thứ 2 trong số các doanh nghiệp FDI đầu tư vào Việt Nam. Hiện có 161 doanh nghiệp đang hoạt động, giảm từ con số 181 doanh nghiệp đăng kí hoạt động. Kể từ 2013, lượng doanh nghiệp đăng kí và còn hoạt động tăng rất nhanh, khoảng gần 30 doanh nghiệp mỗi năm. Con số này tương đương với tổng số doanh nghiệp đăng kí và còn hoạt động trong cả giai đoạn 2000-2010.

Trên 50% số doanh nghiệp của Trung Quốc hoạt động trong mảng chế biến đồ gỗ xuất khẩu, trên 22% trong mảng ván nhân tạo và 19% trong mảng phụ trợ ngành gỗ. Như vậy, bên cạnh mảng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu, mảng sản xuất ván nhân tạo cũng là một trong những mảng ưu tiên của các doanh nghiệp Trung Quốc.

Doanh nghiệp British Virgin Islands. Số lượng doanh nghiệp đầu tư vào ngành gỗ tương đối lớn, 45 doanh nghiệp đang hoạt động hiện nay so với 48 doanh nghiệp đăng kí. Khoảng trên 80% doanh nghiệp đăng kí hoạt động trong mảng chế biến đồ gỗ xuất khẩu, còn lại là các ngành khác.

Các doanh nghiệp British Virgin Islands có quy mô vốn bình quân trên mỗi dự án lớn nhất, 18,5 triệu

USD cho mỗi dự án, lớn gấp trên 3 lần so với quy mô vốn bình quân của mỗi dự án FDI trong ngành gỗ.

Thông tin về các dự án đầu tư FDI trên đây cho thấy các dự án FDI từ các quốc gia được coi là ‘thiên đường thuế’ có số lượng tương đối lớn và quy mô của mỗi dự án lớn nhất. Trước đây các cơ quan chức năng đã có một số cảnh báo về luồng FDI từ nguồn này, bao gồm các quốc gia như Singapore, Hồng Kông và đặc biệt từ quốc gia British Virgin Islands.⁴

3.5. Doanh nghiệp FDI chia theo địa phương

Tính về số lượng dự án FDI, Bình Dương là tỉnh có số lượng FDI hoạt động trong ngành gỗ lớn nhất, với số lượng doanh nghiệp FDI đang hoạt động chiếm gần 53% trong tổng các doanh nghiệp FDI đăng kí. Tiếp đến là thành phố Hồ Chí Minh (10,4%) và Đồng Nai (9%).

Xét về quy mô vốn đăng kí đầu tư, Bình Dương vẫn là tỉnh dẫn đầu. Mặc dù Thành phố Hồ Chí Minh có số lượng các dự án lớn, tuy nhiên, tỉ trọng vốn của các doanh nghiệp tại thành phố này trên tổng vốn đầu tư lại rất nhỏ, chỉ chiếm khoảng 1,3% trong tổng vốn đầu tư của các dự án FDI. Con số này nhỏ hơn nhiều so với con số tỉ trọng của các dự án FDI tại Đồng Nai (26,2%), Hà Nội (5,9%) hay Bình Phước (5,4%) mặc dù các tỉnh này có số lượng các dự án FDI ít hơn.

Tỉ trọng về lao động của các dự án FDI của các địa phương có xu hướng tương đồng với tỉ trọng của vốn đăng kí của các dự án. Bình Dương là tỉnh dẫn đầu trong danh sách trong việc thu hút lao động. Tiếp đến là Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh.

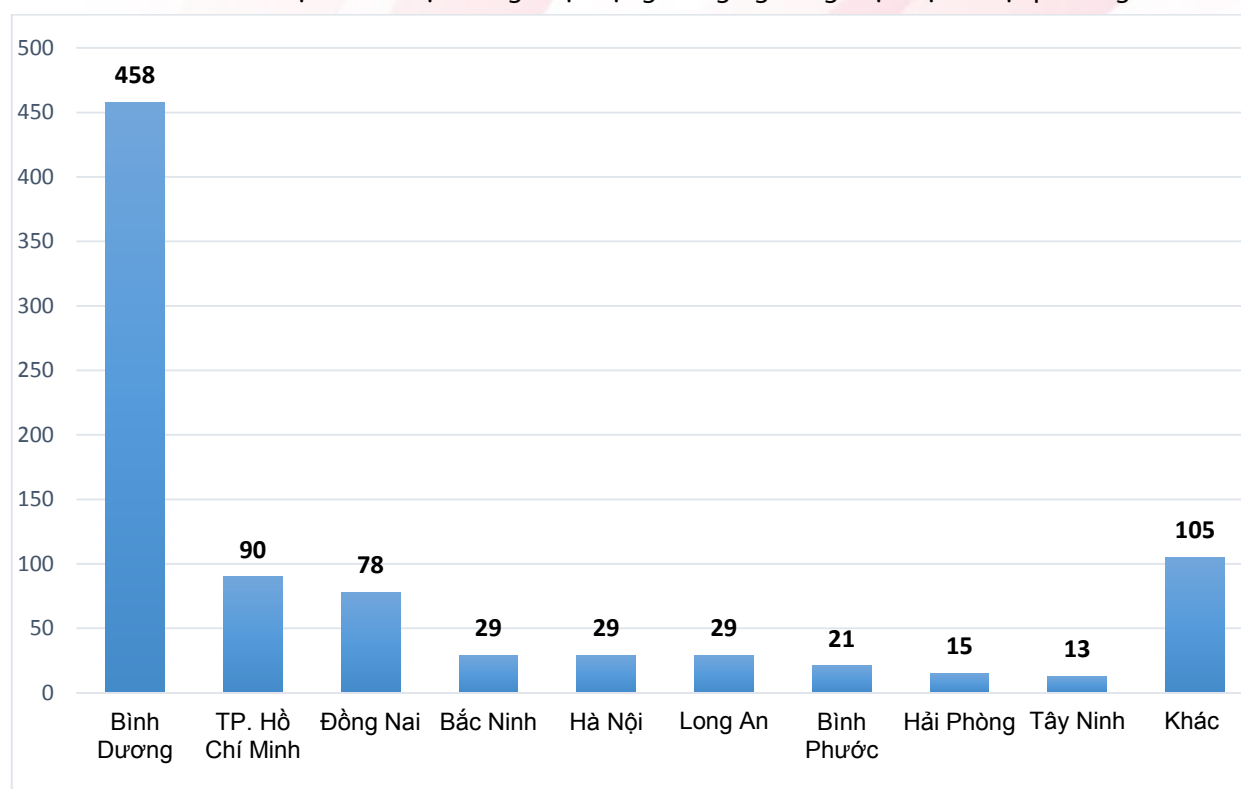
Bảng 5 chỉ ra một số đặc điểm về vốn và lao động của các dự án FDI phân theo địa phương nơi có các dự án FDI số lượng lớn. Hình 3 chỉ ra sự khác nhau về số lượng các doanh nghiệp FDI tại các tỉnh này.

⁴ http://congan.com.vn/quoc-te/thoi-su-quoc-te/thien-duong-thue-british-virgin-islands-rot-von-fdi-vao-viet-nam_19264.html; <https://vietnambiz.vn/fdi-vao-viet-nam-qua-cac-thien-duong-thue-tang-47-sau-mot-nam-9994.html>; <https://theleader.vn/rot-hang-tram-ty-do-vao-viet-nam-thien-duong-thue-toan-tinh-gi-20170814053627165.htm>

Bảng 5. Quy mô vốn và lao động của các dự án FDI tại các địa phương có số lượng FDI lớn

Tỉnh	Dự án đang hoạt động	Dự án đang hoạt động/tổng số dự án đăng kí (%)	Tổng vốn đầu tư đăng kí (USD)	Tỉ trọng trong tổng vốn đầu tư (%)	Tổng lao động đăng kí (người)	Tỉ trọng trong tổng lượng lao động đăng kí (%)
Bình Dương	458	52,8	2.143.586.403	38,9	118.766	58,8
TP. Hồ Chí Minh	90	10,4	243.691.565	4,4	12.873	6,4
Đồng Nai	78	9,0	1.443.995.897	26,2	40.101	19,9
Bắc Ninh	29	3,3	65.484.964	1,2	243	0,1
Hà Nội	29	3,3	326.272.218	5,9	4.158	2,1
Long An	29	3,3	68.976.666	1,3	6.361	3,1
Bình Phước	21	2,4	297.750.000	5,4	3.535	1,7
Hải Phòng	15	1,7	65.640.000	1,2	130	0,6
Tây Ninh	13	1,5	101.050.000	1,8	2.182	1,1
Khác	105	12,3	748.516.157	13,6	13.445	
Tổng	867		5.504.963.870		201.794	

Nguồn: VIFORES, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Cục đầu tư Nước ngoài và từ nguồn số liệu công bố trên trang web của Tổng cục thuế: <http://tracuunnt.gdt.gov.vn> và các sở công thương/công thông tin điện tử các tỉnh (<https://thongtindoanhnghiep.co>; <https://binh-duong-congtydoanhnghiep.com/>; <http://dlct.dongnai.gov.vn/>; <https://backan.gov.vn,....>)

Hình 3. Số các dự án FDI hiện đang hoạt động trong ngành gỗ tại một số địa phương

Nguồn: VIFORES, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends, tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê của Cục đầu tư Nước ngoài và từ nguồn số liệu công bố trên trang web của Tổng cục thuế: <http://tracuunnnt.gdt.gov.vn> và các sở công thương/công thông tin điện tử các tỉnh (<https://thongtindoanhnhgiep.co>; <https://binh-duong.congtydoanhnhgiep.com/>; <http://dlct.dongnai.gov.vn/>; <https://backan.gov.vn/>,....)

Thông tin từ loại hình đăng kí đăng kí kinh doanh của các doanh nghiệp FDI cho thấy loại hình chế biến đồ gỗ xuất khẩu chiếm số lượng lớn nhất trong các mảng hoạt động của các doanh nghiệp. Tại một số tỉnh có lượng doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ lớn, lượng các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau bao gồm:

Bình Dương: 373 doanh nghiệp hiện đang hoạt động trong lĩnh vực chế biến đồ gỗ xuất khẩu, trong tổng số 511 doanh nghiệp đăng kí, chiếm 73%. Các doanh nghiệp hoạt động trong mảng công nghiệp phụ trợ (sơn, ngũ kim, keo...) có số lượng lớn thứ 2.

Đồng Nai: 61 chế biến đồ gỗ xuất khẩu trong tổng số 94 doanh nghiệp đăng kí (65%), tiếp đến là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ (đứng thứ 2 về số lượng), và các doanh nghiệp sản xuất ván nhân tạo, chế biến đồ gỗ xây dựng.

Thành phố Hồ Chí Minh: 40 chế biến đồ gỗ xuất khẩu trong 103 doanh nghiệp đăng kí (39%), tiếp đến là các doanh nghiệp hoạt động trong mảng ngành

công nghiệp phụ trợ và các doanh nghiệp thương mại gỗ.



3.6. Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của các doanh nghiệp FDI

Các doanh nghiệp FDI xuất khẩu theo địa phương

Năm 2018 Việt Nam có khoảng 3.200 doanh nghiệp có các hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Con số này bao gồm cả doanh nghiệp của Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài. Tổng kim ngạch xuất khẩu của tất cả các doanh nghiệp này đạt gần 8,48 tỉ USD.

Trong tổng số 3.200 doanh nghiệp có 529 doanh nghiệp FDI, chiếm gần 20% trong tổng số. Kim ngạch xuất khẩu của 529 doanh nghiệp này đạt 3,957 tỉ USD, chiếm khoảng 46,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả ngành.

Số doanh nghiệp của Việt Nam trực tiếp xuất khẩu là 2.676, chiếm trên 80% trong tổng số. Kim ngạch xuất khẩu của nhóm này đạt gần 4,51 tỉ USD, tương đương với 53,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả ngành. Bảng 6 chỉ ra các địa phương nơi có các doanh nghiệp FDI xuất khẩu với kim ngạch lớn.

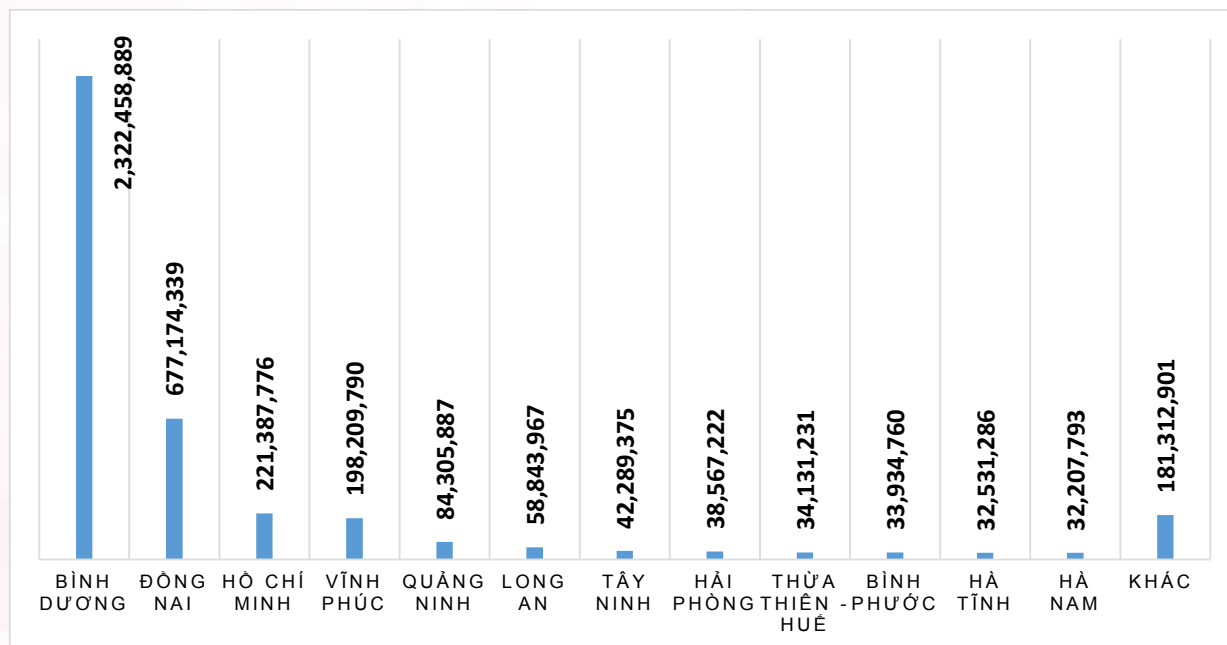
Bình Dương là tỉnh có kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI lớn nhất, chiếm 58,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI ngành gỗ trong cả nước. Tiếp đến là các doanh nghiệp FDI thuộc Đồng Nai (17,1%), thành phố Hồ Chí Minh (5,6%) và Vĩnh Phúc (5%).

Bảng 6. Các địa phương có kim ngạch xuất khẩu FDI ngành gỗ trên 10 triệu USD năm 2018

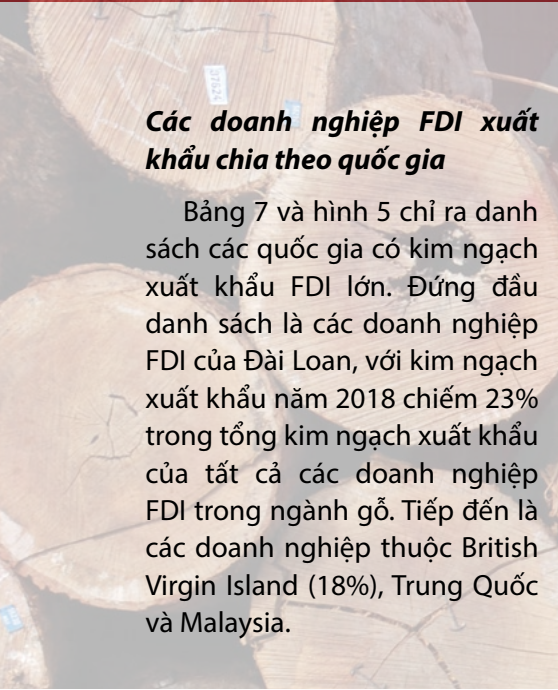
Tỉnh	Dự án FDI	Kim ngạch xuất khẩu (USD)
Bình Dương	272	2.322.458.889
Đồng Nai	68	677.174.339
Hồ Chí Minh	64	221.387.776
Vĩnh Phúc	5	198.209.790
Quảng Ninh	1	84.305.887
Long An	16	58.843.967
Tây Ninh	9	42.289.375
Hải Phòng	12	38.567.222
Thừa Thiên - Huế	3	34.131.231
Bình Phước	7	33.934.760
Hà Tĩnh	2	32.531.286
Hà Nam	2	32.207.793
Khánh Hoà	2	29.052.139
Đà Nẵng	4	20.399.082
Thanh Hoá	1	15.771.353
Quảng Nam	1	15.565.529
Phú Thọ	4	13.755.461
Đắk Nông	1	13.338.152
Hưng Yên	3	11.662.302
Khác	52	61.768.883

Nguồn: VIFORES, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Hình 4. Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI tại một số địa phương năm 2018 (USD)



Nguồn: VIFORES, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan



Các doanh nghiệp FDI xuất khẩu chia theo quốc gia

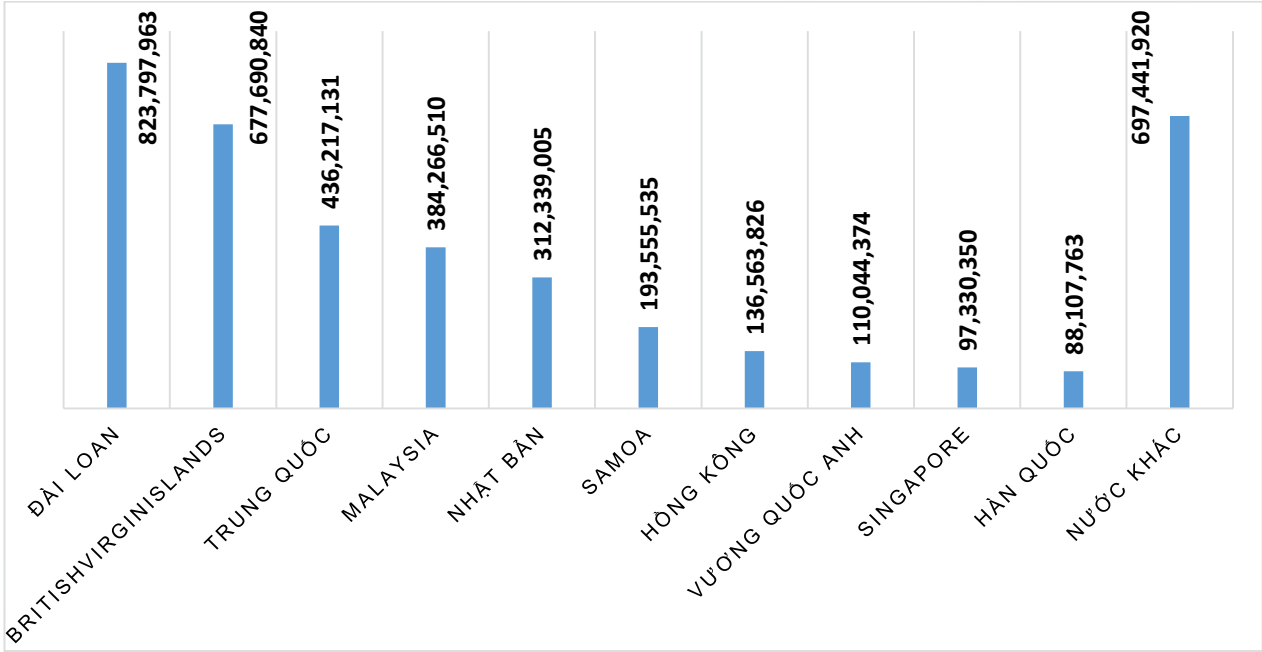
Bảng 7 và hình 5 chỉ ra danh sách các quốc gia có kim ngạch xuất khẩu FDI lớn. Đứng đầu danh sách là các doanh nghiệp FDI của Đài Loan, với kim ngạch xuất khẩu năm 2018 chiếm 23% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tất cả các doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ. Tiếp đến là các doanh nghiệp thuộc British Virgin Island (18%), Trung Quốc và Malaysia.

Bảng 7. Các doanh nghiệp FDI có kim ngạch xuất khẩu năm 2018 lớn theo quốc gia

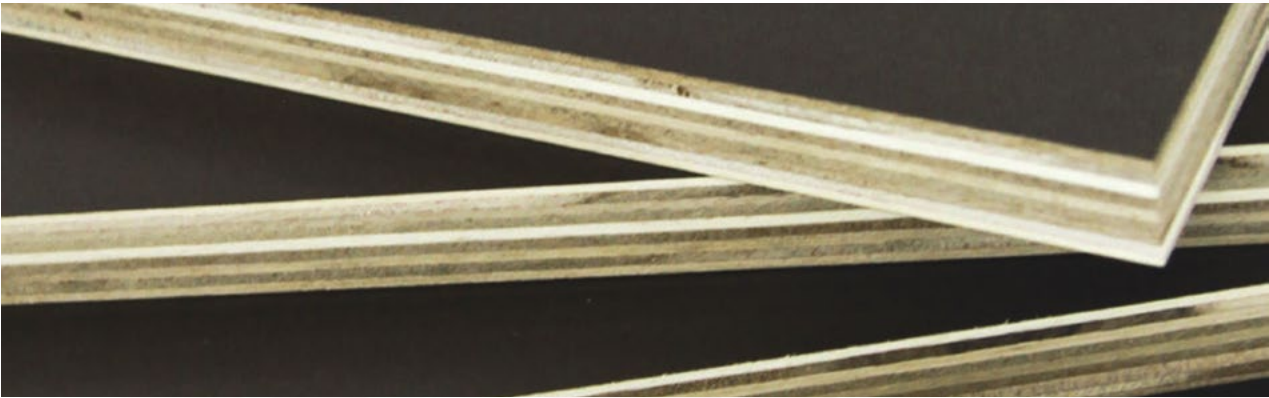
Quốc gia	Số doanh nghiệp FDI đang hoạt động	Giá trị kim ngạch xuất khẩu (USD)	Tỉ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu (%)
Đài Loan	71	806.743.645	23%
British Virgin Islands	17	634.385.772	18%
Trung Quốc	42	406.869.395	12%
Malaysia	16	402.166.044	12%
Nhật Bản	32	315.779.540	9%
Samoa	6	215.756.998	6%
Singapore	9	107.714.197	3%

Nguồn: VIFORES, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan

Hình 5. Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI theo quốc gia năm 2018



Nguồn: VIFORES, FPA Bình Định, HAWA, BIFA và Forest Trends tổng hợp từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan



4. DOANH NGHIỆP FDI TRONG NGÀNH GỖ: THỰC TRẠNG VÀ Ý NGHĨA VỀ CHÍNH SÁCH

Kể từ khi Chính phủ áp dụng chính sách mở cửa, các doanh nghiệp FDI đã trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế, về các khía cạnh như vốn đầu tư xã hội, đóng góp vào GDP quốc gia, là nguồn thu quan trọng cho ngân sách nhà nước. Con số thống kê chính thức cho thấy khoảng 72% kim ngạch xuất khẩu của cả nước là do các doanh nghiệp FDI (Báo Công thương 2019), cao hơn nhiều so với kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp nội địa (28%).

Ngành gỗ hiện có khoảng gần 900 doanh nghiệp FDI hiện đang hoạt động, với tổng vốn đầu tư khoảng 5,5 tỉ USD. Các doanh nghiệp FDI có các hoạt động đa dạng, trong đó chủ yếu hoạt động trong mảng chế biến đồ gỗ xuất khẩu, tiếp đến là mảng công nghiệp phụ trợ và sản xuất ván. Trong số 867 doanh nghiệp FDI hiện đang hoạt động chỉ có 61% (529 doanh nghiệp) trực tiếp có hoạt động xuất khẩu. Năm 2018 kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp này đạt gần 4 tỉ USD, chiếm 46,7% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả ngành gỗ. Đây là những con số có ý nghĩa rất lớn đối với ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh ý nghĩa về kinh tế, các doanh nghiệp FDI còn có vai trò xã hội quan trọng. Theo con số mà các doanh nghiệp công bố, hiện có khoảng trên dưới 200.000 lao động hoạt động trong các doanh nghiệp FDI, bình quân khoảng 200 lao động/doanh nghiệp. Như đã đề cập ở trên, con số này chắc chắn nhỏ hơn so với lượng lao động thực tế hiện đang làm việc tại các doanh nghiệp FDI.

Các con số về kim ngạch và lao động của nhóm doanh nghiệp FDI ngành gỗ cho thấy một số khía cạnh quan trọng về ngành gỗ Việt Nam. Cụ thể, con số 46,7% là tỉ trọng kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI trong ngành nhỏ hơn rất nhiều so với con số về kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI nói chung (72%). Điều này cho thấy các doanh nghiệp của Việt Nam trong ngành gỗ đã có những nỗ lực và vai trò rất lớn trong xuất khẩu. Đây là những thành tựu rất đáng ghi nhận về các doanh nghiệp trong nước.

Con số 200.000 lao động trong các doanh nghiệp FDI cho thấy lượng lao động trong ngành gỗ chắc chắn lớn hơn so với con số 300.000 – là con số thông

thường được sử dụng bởi ngành gỗ và các cơ quan quản lý. Ngành gỗ hiện tại có khoảng 4.500 doanh nghiệp (Thời báo Ngân hàng, 2018), lớn gấp 5 lần số lượng các doanh nghiệp FDI của ngành. Nếu tính bình quân mỗi doanh nghiệp của Việt Nam sử dụng 50 lao động thì tổng số lao động của cả ngành (cả doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam) khoảng 380.000 nghìn lao động. Nếu mỗi doanh nghiệp Việt Nam sử dụng 70 lao động thì tổng lao động của ngành 452.000; nếu sử dụng 100 lao động thì tổng số là 560.000 lao động. Các con số này chưa bao gồm lượng lao động hiện đang làm việc tại các cơ sở chế biến gỗ phi chính thống (ví dụ làng nghề). Điều này cho thấy vai trò kinh tế và đặc biệt là xã hội của ngành gỗ có lẽ lớn hơn rất nhiều so với quan niệm thông thường về vai trò của ngành.

Dù kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ thấp hơn do với kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam, hiện vẫn tồn tại sự mất cân đối trong hoạt động xuất khẩu của 2 nhóm doanh nghiệp này. Năm 2018 trong tổng số 3.200 doanh nghiệp ngành gỗ trực tiếp có các hoạt động xuất khẩu với tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành đạt 8,47 tỉ USD, số doanh nghiệp FDI là 529, chiếm gần 20% trong tổng số doanh nghiệp xuất khẩu và kim ngạch gần 4 tỉ USD, chiếm gần 47% trong tổng kim ngạch. Các doanh nghiệp FDI với gần 20% về lượng và gần 47% về kim ngạch, so với các trên 80% số doanh nghiệp Việt Nam với tổng kim ngạch khoảng 53% cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa 2 nhóm. Sự chênh lệch này có lẽ phản ánh những khác biệt về một số khía cạnh giữa 2 nhóm, bao gồm quy mô vốn đầu tư, trình độ khoa học công nghệ, chất lượng lao động và tiếp cận thị trường xuất khẩu sản phẩm. Cần có những đánh giá trong tương lai để tìm ra những khác biệt giữa 2 nhóm doanh nghiệp này.

Có sự thay đổi tương đối lớn về quy mô vốn đầu tư trung bình của mỗi doanh nghiệp FDI theo thời gian. Tuy nhiên về tổng thể các doanh nghiệp FDI có quy mô vốn đầu tư tương đối nhỏ. Quy mô vốn đầu tư trung bình của mỗi dự án lớn nhất trong thập niên 2000, sau đó quy mô giảm xuống rất nhiều trong thời gian gần đây. Quy mô vốn của mỗi doanh nghiệp FDI giai đoạn 2011-2018 chỉ chưa bằng 60% quy mô vốn của mỗi doanh nghiệp FDI trong 1 thập kỉ trước đó, tương đương với 70% quy mô vốn của mỗi doanh

ngành FDI giai đoạn 1990-2000. Có thể sự thay đổi về quy mô vốn đầu tư có nguyên nhân về thay đổi thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra, thay đổi thể chế, thay đổi tiếp cận nguồn lực như vốn, khoa học công nghệ, thay đổi chiến lược và lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện vẫn chưa có thông tin rõ ràng về các yếu tố dẫn đến sự thay đổi trong quy mô vốn đầu tư của các doanh nghiệp FDI.

Các doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ có sự hiện diện đồng đều ở khu vực phía Nam, đặc biệt là ở các tỉnh như Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong môi trường thể chế về thu hút vốn đầu tư FDI giống nhau ở cấp quốc gia, sự khác nhau về số lượng doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ ở các địa phương đặt ra câu hỏi về nguyên nhân của sự khác biệt này. Các khác biệt này có thể có nguyên nhân về cơ sở hạ tầng như tiếp cận hệ thống đường giao thông, cảng xuất, nhập khẩu. Các khác biệt này cũng có thể là do sự khác nhau trong tiếp cận nguồn lực lao động, nguồn cung nguyên liệu, sự hiện diện của các doanh nghiệp có các hoạt động nằm ở các khâu trong chuỗi cung, thuận tiện cho doanh nghiệp trong việc trở thành một bộ phận của chuỗi. Khác biệt cũng có thể có nguyên nhân là chất lượng thể chế cấp địa phương, chất lượng của việc thực thi các cơ chế chính sách của cả cấp trung ương và địa phương tại các địa phương này.

Một trong những kỳ vọng quan trọng nhất của Chính phủ trong việc thu hút vốn đầu tư FDI vào Việt Nam nói chung là thông qua môi trường thể chế và chính sách cởi mở, khối doanh nghiệp nội địa sẽ có được sự kết nối với khối doanh nghiệp FDI; kết nối này trong môi trường thông thoáng sẽ tạo ra luồng dịch chuyển chất lượng về trình độ khoa học công nghệ, năng lực quản lý, tiếp cận thị trường từ khối doanh nghiệp FDI sang khối doanh nghiệp nội địa, tạo đà cho các doanh nghiệp nội địa phát triển theo hướng hiệu quả, chất lượng và bền vững. Doanh nghiệp FDI đầu tiên của ngành gỗ bắt đầu ngay từ sau khi có Luật Đầu tư Nước ngoài. Đến nay, sau một số lần Luật sửa đổi theo hướng thông thoáng hơn, số doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ tương đối đồng đều. Tuy nhiên, khác biệt tương đối lớn về số lượng và kim ngạch của các doanh nghiệp khối FDI và doanh nghiệp nội địa cho thấy các hạn chế của các kỳ vọng ban đầu. Các kết nối giữa các doanh nghiệp khối FDI và doanh nghiệp nội địa rất hạn chế. Đến

nay hầu như không có sự chuyển dịch về khoa học công nghệ, vốn, trình độ sản xuất, quản lý, tiếp cận thị trường giữa 2 khối này.

Bên cạnh đó, đầu tư FDI tại Việt Nam nói chung đang bộc lộ *"một số vấn đề lớn"* theo như nhận xét của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Hội nghị tham vấn, định hướng, hoàn thiện chế chế đầu tư về đầu tư nước ngoài trong bối cảnh mới ngày 14/2/2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương tổ chức (Báo Đầu tư, 2019) tổ chức. Các nhận xét tại Hội nghị cho thấy liên kết của nhóm doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước yếu, hiệu ứng lan tỏa năng suất chưa cao, chuyển giao công nghệ từ nhóm FDI chưa đạt hiệu quả mong muốn (The Leader 2019). Cũng theo Hội thảo này, đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao của một số doanh nghiệp FDI còn hạn chế, một số dự án FDI còn chưa tuân thủ các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường (cùng nguồn trích dẫn). Bên cạnh đó, Phó Thủ tướng còn chỉ ra một số mặt hạn chế khác của các doanh nghiệp khối FDI, đặc biệt nhấn mạnh *"Việc chuyển giao công nghệ rất khó khăn và gần như không đạt được gì. Chỉ khoảng 5% doanh nghiệp FDI sử dụng công nghệ cao. Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất ở khu vực ĐTNN không quá vượt trội so với trong nước, đa số ở mức độ trung bình, hoặc trung bình tiên tiến của khu vực. Việc cập nhật công nghệ, tỷ lệ doanh nghiệp đầu tư cho R&D còn hạn chế, chủ yếu là mua hơn là phát triển nâng cao và đổi mới công nghệ."* (Báo Đầu tư, 2019). Có thể một số doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ cũng có những đặc tính này.

Số lượng, quy mô vốn đầu tư và kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI trong ngành gỗ sở hữu bởi các quốc gia thuộc thiên đường thuế như British Virgin Islands, Hồng Kông, Singapore và Samoa có thể là vấn đề đòi hỏi các cơ quan chức năng và ngành gỗ cần có sự quan tâm sát sao hơn. Đầu tư FDI vào Việt Nam thông qua các thiên đường thuế đã làm phát sinh một số nghi ngại về lợi ích thực sự của hình thức đầu tư FDI theo kênh này (TheLeader, 2017; VOV 2016). Hội thảo 14/2/2019 tại Bình Dương có nêu vấn đề doanh nghiệp FDI có hành vi chuyển giá; một số doanh nghiệp khai sai giá trị máy móc, thiết bị nhập khẩu góp vốn dẫn đến thất thu ngân sách nhà nước, tăng nhập siêu, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư (Báo Đầu tư, 2019).



5. KẾT LUẬN

Bản tin này đưa ra một số con số ban đầu về thực trạng của nhóm doanh nghiệp FDI hoạt động trong ngành gỗ của Việt Nam. Đến nay, số lượng các doanh nghiệp FDI trong ngành tương đối lớn. Các doanh nghiệp này đã trở thành một hợp phần không thể thiếu của ngành. Không thể phủ nhận vai trò quan trọng của nhóm doanh nghiệp FDI của ngành, đặc biệt về các khía cạnh kinh tế và xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, các doanh nghiệp FDI, bao gồm các doanh nghiệp FDI hoạt động trong ngành gỗ còn một số mặt hạn chế. Các thông tin trong Bản tin này mới chỉ cho phép mô tả sơ bộ một số thông tin về nhóm doanh nghiệp FDI hoạt động trong ngành. Thông tin này chưa cho phép việc đánh giá đầy đủ về vai trò của nhóm này về cả mặt tích cực và các hạn chế.

Điều này đòi hỏi cần có các đánh giá về các mặt này trong tương lai.

Động lực mở rộng đầu tư FDI trong ngành gỗ vẫn đang được duy trì. Tuy nhiên, trong thời gian tới Chính phủ sẽ có những thay đổi về các cơ chế chính sách về thu hút vốn đầu tư FDI, nhằm thu hút đầu tư về công nghệ cao, lao động chất lượng, nhấn mạnh vào hiệu quả giá trị gia tăng của vốn đầu tư (Tạp chí Tài Chính 2019). Chính phủ kỳ vọng rằng các cơ chế chính sách mới nhằm thu hút đầu tư FDI sẽ tạo ra sự chuyển dịch trong nhóm các doanh nghiệp Việt Nam từ vai trò của các 'nhà thầu phụ' như hiện nay sang vai trò của các đối tác, hợp tác với các doanh nghiệp FDI ở nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm cả lĩnh vực chế biến gỗ xuất khẩu.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Đầu tư, ngày 9/9/2018. “Vai trò của FDI trong phát triển kinh tế” (<https://baodautu.vn/infographic-vai-tro-cua-fdi-voi-phat-trien-kinh-te-d87520.html>). Tham khảo ngày 14/2/2019.
2. Báo Đầu tư, 14/02/2019. Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ: Cần nâng cao liên kết của khu vực FDI với doanh nghiệp trong nước (<https://baodautu.vn/pho-thu-tuong-vuong-dinh-hue-can-nang-cao-lien-ket-cua-khu-vuc-fdi-voi-doanh-nghiep-trong-nuoc-d95376.html>). Tham khảo ngày 18/2/2019.
3. Báo Công thương, 14/2/2019. “Thu hút vốn đầu tư FDI đến 2030: Cần nhiều định hướng mới” (<https://congthuong.vn/thu-hut-von-dau-tu-fdi-den-nam-2030-can-nhieu-dinh-huong-moi-115794.html>). Tham khảo ngày 15/2/2019.
4. Tạp chí Tài chính, 15/02/2019. Việt Nam nhất quán chính sách tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài (<http://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/viet-nam-nhat-quan-chinh-sach-tang-cuong-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-303097.html>). Tham khảo ngày 18/2/2019.
5. Thời báo Ngân hàng, 17/9/2018. Ngành gỗ: Cơ hội lớn, thách thức nhiều (<http://thoibaonganhang.vn/nganh-go-co-hoi-lon-thach-thuc-nhieu-80005.html>), tham khảo ngày 18/2/2019.
6. TheLeader (Diễn đàn của các nhà quản trị), 15/02/2019. Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ: Cùng một thể chế tại sao có nơi làm tốt, nơi không (<https://theleader.vn/pho-thu-tuong-vuong-dinh-hue-cung-mot-the-che-tai-sao-co-noi-lam-tot-noi-khong-1550170157187.htm>). Tham khảo ngày 18/2/2019.
7. TheLeader (Diễn đàn của các nhà quản trị), 14/08/2017. Rót hàng trăm tỷ đô vào Việt Nam, ‘thiên đường thuế’ toán tính gì (<https://theleader.vn/rot-hang-tram-ty-do-vao-viet-nam-thien-duong-thue-toan-tinh-gi-20170814053627165.htm>). Tham khảo ngày 18/2/2019.
8. VOV, 14/05/2016. Vốn FDI khổng lồ từ thiên đường thuế vào Việt Nam có đáng lo ngại (<https://vov.vn/kinh-te/von-fdi-khong-lo-tu-thien-duong-thue-vao-viet-nam-co-dang-lo-ngai-510651.vov>). Tham khảo ngày 18/2/2019.

NHÓM TÁC GIẢ

1. Tô Xuân Phúc

Chuyên gia phân tích chính sách, tổ chức Forest Trends
Email: phuc.to@anu.edu.au
Điện thoại: + 61 4 87 148 240

1. To Xuan Phuc

Policy Analyst, Forest Trends
Email: phuc.to@anu.edu.au
Tel: + 61 4 87 148 240

2. Cao Thị Cẩm

VIFORES, Tạp chí Gỗ Việt
189 Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: +84 4-62782122/ 84-4-37833016
Email: caocam@vietfores.org,
caocamhp@gmail.com

2. Cao Thi Cam

VIFORES, Go Viet Magazine
189 Thanh Nhan, Ha Noi
Tel: +84 4-62782122/ 84-4-37833016
Email: caocam@vietfores.org,
caocamhp@gmail.com

3. Trần Lê Huy, Luật sư

FPA Bình Định - Phó Chủ tịch & Tổng Thư ký
278 Nguyễn Thị Định, thành phố Quy Nhơn, Bình Định
Điện thoại: +84 02563946740 / 0905036456
Email: tranlehuy50@gmail.com

3. Tran Le Huy, Lawyer

FPA Binh Dinh - Vice Chairman & General Secretary
278 Nguyen Thi Dinh, Quy Nhon City, Binh Dinh
Tel: +84 02563946740 / 0905036456
Email: tranlehuy50@gmail.com



ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC XUẤT KHẨU GỖ VIỆT NAM